

ĐỀ ÁN

Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên

A. SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ PHÁP LÝ**I. SỰ CẦN THIẾT**

Thực hiện Quyết định số 4139-QĐ/BTCTW, ngày 29/01/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thí điểm bố trí, sử dụng, tuyển dụng và quản lý công chức theo vị trí việc làm trong cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về ban hành tạm thời danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức của các cơ quan, đơn vị. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đã ban hành 11 Quyết định về việc ban hành tạm thời danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể của tỉnh triển khai bố trí, phân công công chức theo vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Để bảo đảm cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới; việc tổ chức thi nâng ngạch công chức từ ngạch cán sự lên ngạch chuyên viên, từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II trong cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên là thực sự cần thiết.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Luật cán bộ, công chức (Luật số 22/2008/QH12, ngày 13/11/2008); Luật viên chức (Luật số 58/2010/QHH12, ngày 15/11/2010); Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ công chức và Luật viên chức (Luật số 52/2019/QH14, ngày 25/11/2019);

2. Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

3. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, ngày 27/11/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

4. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

5. Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn;

6. Quyết định số 1696-QĐ/BTCTW, ngày 29/5/2017 của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành Quy chế xét thăng hạng viên chức trong cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội;

7. Thông tư số 06/2020/TT-BNV, ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

8. Thông tư số 02/2021/TT-BNV, ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

9. Quyết định 2252-QĐ/HVCTQG, ngày 02/5/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý đào tạo Trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

10. Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

11. Các Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm công chức trong cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên; các Quyết định bố trí, phân công công chức đảm nhận vị trí việc làm của các cơ quan, đơn vị khối Đảng, đoàn thể tỉnh.

B. NỘI DUNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC, THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức nhằm đánh giá, lựa chọn những cán bộ, công chức, viên

chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn để bổ nhiệm vào ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo đảm cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quyết định bố trí, phân công cán bộ đảm nhiệm vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị.

- Tạo động lực để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục phấn đấu, nâng cao năng lực của bản thân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải căn cứ vào vị trí việc làm, phù hợp với cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức của cơ quan sử dụng công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bảo đảm công bằng, khách quan, công khai, minh bạch trong việc tổ chức thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng viên chức. Thực hiện nghiêm nguyên tắc cạnh tranh trong thi nâng ngạch công chức.

II. ĐỐI TƯỢNG DỰ THI

1. Thi nâng ngạch công chức

1.1. Thi nâng ngạch chuyên viên chính

a) Ở cấp tỉnh

- Cán bộ, công chức giữ ngạch chuyên viên (mã số 01.003) công tác tại các cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh giữ chức vụ phó trưởng phòng và tương đương trở lên.

- Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đang giữ ngạch chuyên viên (mã số 01.003) được bố trí, phân công đảm nhiệm công việc của vị trí việc làm chuyên viên chính.

b) Ở cấp huyện: Ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện và tương đương; người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đang giữ ngạch chuyên viên (mã số 01.003).

c) Các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b Mục này được cấp có thẩm quyền luân chuyển về công tác tại cấp xã (biên chế thuộc khối Đảng, đoàn thể).

1.2. Thi nâng ngạch chuyên viên

Công chức công tác tại các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện đang giữ ngạch cán sự (mã số

01.004), ngạch chuyên viên hệ cao đẳng (mã số 01a.003) được phân công, bố trí vị trí việc làm chuyên viên.

2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp

2.1. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II)

Giảng viên Trường Chính trị tỉnh hiện giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III (mã số V.07.01.03).

2.2. Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (hạng II)

Viên chức giữ chức vụ Trưởng, Phó Trưởng phòng (khoa) thuộc Trường Chính trị tỉnh, phó giám đốc trung tâm chính trị cấp huyện, đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên viên (mã số 01.003).

III. ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI

1. Điều kiện dự thi

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm 2021; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận của thanh tra, giải quyết tố cáo và bị điều tra.

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi.

d) Về thời gian công tác: Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức, từng chức danh nghề nghiệp viên chức dự thi, cụ thể:

- Đối với cán bộ, công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính: Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm (108 tháng) trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên thì thời gian giữ ngạch chuyên viên, mã số 01.003 tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày **01/01/2022**.

- Đối với công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên: Có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm (36 tháng) trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày **01/01/2022**.

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II: Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 năm (108 tháng) trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có tối thiểu 01 năm (đủ 12

tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề của chức danh nghề nghiệp dự thi tính đến ngày **01/01/2022**.

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh giảng viên chính có bằng tiến sĩ thì thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên hoặc tương đương từ đủ 06 năm (*72 tháng*) trở lên, trong đó phải có tối thiểu 01 năm (*đủ 12 tháng*) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.

2. Tiêu chuẩn dự thi

2.1. Tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch chuyên viên chính và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính

a) Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Về trình độ lý luận chính trị: Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp lý luận chính trị trở lên của cơ quan có thẩm quyền.

c) Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước: Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức, viên chức đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

đ) Về tham gia biên soạn văn bản, nghiên cứu khoa học: Đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức, viên chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng; đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

2.2. Tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch chuyên viên

a) Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên.

b) Về bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước: Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên.

c) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức, viên chức đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.3. Tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II - mã số V.07.01.02)

a) Về trình độ chuyên môn: Có bằng tốt nghiệp thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm hoặc chuyên ngành giảng dạy.

b) Về trình độ lý luận chính trị: Có bằng tốt nghiệp hoặc chứng nhận tương đương cao cấp lý luận chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

c) Về bồi dưỡng nghiệp vụ: Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) hoặc chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

d) Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên.

đ) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đào tạo hoặc cấp có thẩm quyền thành lập) thẩm định, nghiệm thu đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng.

e) Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu của giảng viên đã được công bố trên tạp chí chuyên ngành.

g) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

3. Về thời điểm phải bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi và miễn thi

Công chức, viên chức dự thi phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự thi, thời gian giữ ngạch, chức danh nghề nghiệp và miễn thi về văn bằng, chứng chỉ tính đến ngày **01/01/2022**.

IV. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC, CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ CHỈ TIÊU THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG

1. Số lượng, cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

1.1. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức

Hiện nay, biên chế cơ quan Đảng, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Thái Nguyên được Trung ương giao là 1058. Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện giao biên chế năm 2022 cho 25 cơ quan, đơn vị là 950.

Tính đến ngày 01/01/2022, biên chế thực tế đang sử dụng là 920 người, trong đó cán bộ, công chức là 772 người; viên chức 113 người; lao động hợp đồng hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ là 35 người.

2.2. Cơ cấu ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Cơ cấu ngạch công chức (phân tích trên tổng số 772 cán bộ, công chức)

- Chuyên viên cao cấp và tương đương là 10 người (09 Chuyên viên cao cấp, 01 Kiểm tra viên cao cấp), chiếm 1,3 %;
- Chuyên viên chính và tương đương là 192 người (168 Chuyên viên chính, 24 Kiểm tra viên chính), chiếm 24,9%;
- Chuyên viên và tương đương là 550 người (chiếm 71,21%);
- Cán sự và tương đương là 09 người (chiếm 1,17%);
- Nhân viên và tương đương 11 người (chiếm 1,43%);

b) Cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức (phân tích trên tổng số 113 viên chức)

- Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II: 28 người (chiếm 24,8%);
- Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III: 76 người (67,3%);
- Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV: 05 người (chiếm 4,4%);
- Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng V: 04 người (chiếm 3,5%);

2. Về chỉ tiêu thi nâng ngạch chuyên viên chính, chuyên viên

2.1. Về vị trí việc làm tương ứng với ngạch chuyên viên chính

- Số lượng chuyên viên chính theo vị trí việc làm được phân công: **311** người.

- Số lượng chuyên viên chính hiện có: **168** người.

- Số lượng công chức tương ứng với ngạch chuyên viên chính còn thiếu theo vị trí việc làm: **311 - (168 - 22) = 165¹**

2.2. Đề xuất chỉ tiêu nâng ngạch chuyên viên chính

Sau khi rà soát vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký dự thi tại thời điểm xây dựng Đề án, có **91** cán bộ, công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch từ ngạch chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính.

Căn cứ quy định của Luật cán bộ, công chức và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật cán bộ công chức và Luật viên chức (khoản 8 Điều 1): “Việc thi nâng ngạch, xét nâng ngạch phải bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh, công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật”. Để bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh trong thi nâng ngạch công chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đề nghị Ban Tổ chức Trung ương giao **82** chỉ tiêu nâng ngạch lên

¹ Do có 22 chuyên viên chính hiện có được bố trí việc làm chuyên viên cao cấp.

chuyên viên chính (số dư 9, bằng 10%). Trường hợp số người dự thi thực tế bằng hoặc ít hơn chỉ tiêu trên thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu để bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh.

2.3. Đề xuất chỉ tiêu thi nâng ngạch chuyên viên

Sau khi rà soát vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký dự thi nâng ngạch chuyên viên tại thời điểm xây dựng Đề án, có **04** công chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi nâng ngạch từ ngạch cán sự và tương đương lên ngạch chuyên viên.

Để bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh trong thi nâng ngạch chuyên viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đề nghị Ban Tổ chức Trung ương giao **03** chỉ tiêu thi nâng ngạch lên chuyên viên (số dư 01, bằng 25%). Trường hợp số người dự thi thực tế bằng hoặc ít hơn chỉ tiêu trên thì Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên sẽ điều chỉnh giảm chỉ tiêu để bảo đảm nguyên tắc cạnh tranh.

3. Về chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng II

Sau khi rà soát vị trí việc làm, điều kiện, tiêu chuẩn của người đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II tại thời điểm xây dựng Đề án, có:

- **08** viên chức (là Phó Giám đốc Trung tâm Chính trị cấp huyện) đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính.

- **08** giảng viên Trường Chính trị tỉnh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính.

Hiện nay, Luật viên chức không quy định việc thực hiện nguyên tắc cạnh tranh trong thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; đồng thời theo Quy định số 11-QĐ/TW, ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn, một trong các tiêu chuẩn Trường Chính trị chuẩn mức 01 là “*có ít nhất 60% giảng viên giữ chức danh nghề nghiệp giảng viên chính và tương đương trở lên*”. Tỷ lệ giảng viên chính và tương đương trở lên của Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên hiện này là 10/34 giảng viên, bằng 29,4% (chưa đạt 60%). Vì vậy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên đề xuất chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II như sau:

- Thăng hạng từ chức danh nghề nghiệp chuyên viên lên chuyên viên chính: **08** chỉ tiêu (*không cạnh tranh*).

- Thăng hạng từ giảng viên lên giảng viên chính: **08** chỉ tiêu (*không cạnh tranh*).

(Có các biểu mẫu gửi kèm theo)

V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG, THỜI GIAN THI

1. Hình thức, nội dung và thời gian thi

Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện như sau:

1.1. Môn kiến thức chung

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

b) Nội dung thi:

- *Đối với công chức:* 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính Nhà nước; công chức, công vụ; chức trách nhiệm vụ của công chức theo tiêu chuẩn của ngạch dự thi.

- *Đối với viên chức:* 60 câu hỏi về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của ngành, lĩnh vực, pháp luật về viên chức theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi.

c) Thời gian thi 60 phút.

1.2. Môn Ngoại ngữ

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

b) Nội dung thi: 30 câu hỏi tiếng Anh theo yêu cầu của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi.

c) Thời gian thi 30 phút.

1.3. Môn chuyên môn, nghiệp vụ (*đối với thi nâng ngạch công chức*); *Môn nghiệp vụ chuyên ngành (đối với thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức)*

a) Thi nâng ngạch chuyên viên chính

Thi viết, thời gian 180 phút; nội dung thi theo yêu cầu của ngạch chuyên viên chính; thang điểm 100.

b) Thi nâng ngạch chuyên viên

Thi viết, thời gian 120 phút; nội dung thi theo yêu cầu của ngạch chuyên viên; thang điểm 100.

c) Thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp hạng II

Thi viết, thời gian 180 phút; nội dung thi theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II; thang điểm 100.

2. Thi trắc nghiệm trên máy vi tính, kết quả điểm thi được thông báo cho người dự thi biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không phúc khảo kết quả thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

3. Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

- Người dự thi tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác.
- Người dự thi có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;
- Người dự thi có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch dự thi.
- Người dự thi có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp dự thi do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận ở Việt Nam theo quy định.

4. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

4.1. Đối với thi nâng ngạch chuyên viên, chuyên viên chính (có cạnh tranh)

Người trúng tuyển thi nâng ngạch công chức phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi trắc nghiệm (môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ), trừ trường hợp được miễn thi.
- Có kết quả điểm bài thi môn chuyên môn, nghiệp vụ đạt từ 50 điểm trở lên, lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu nâng ngạch được giao.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi môn chuyên môn, nghiệp vụ bằng nhau ở chỉ tiêu nâng ngạch cuối cùng thì thứ tự ưu tiên trúng tuyển như sau: Người dự thi là nữ; người dự thi là người dân tộc thiểu số; người dự thi nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh), người dự thi có thời gian công tác nhiều hơn.

Nếu vẫn không xác định được thì Thường trực Tỉnh ủy quyết định người trúng tuyển theo đề nghị của Hội đồng thi.

Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi nâng ngạch lần sau.

4.2. Đối với thi thăng hạng giảng viên chính, chức danh nghề nghiệp chuyên viên chính (không cạnh tranh)

Người trúng tuyển phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Có số câu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng môn thi trắc nghiệm (môn kiến thức chung, môn ngoại ngữ), trừ trường hợp được miễn thi.

- Có kết quả điểm bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành đạt từ 50 điểm trở lên.

Không bảo lưu kết quả cho các kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp lần sau.

VI. HỒ SƠ, LỆ PHÍ, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC THI

1. Hồ sơ đăng ký

- Hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch công chức thực hiện theo Điều 36, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

- Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện theo Điều 36, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Mỗi thí sinh dự thi làm 01 bộ hồ sơ. Thời gian nộp hồ sơ theo Kế hoạch triển khai của Hội đồng thi.

Lệ phí dự thi nâng ngạch và xét thăng hạng: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC, ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

2. Thời gian thi

Dự kiến: Tháng 04 năm 2022.

3. Địa điểm thi

Dự kiến: Trường Cao đẳng Thái Nguyên.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy

(1) Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy thành lập Hội đồng, Ban Giám sát kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:

- Dự kiến Hội đồng thi gồm 07 đồng chí do đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng; đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Phó Chủ tịch Hội đồng; các thành viên gồm: đại diện Ban Tổ chức Tỉnh ủy (02), Văn phòng Tỉnh ủy (01), Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (01), Ủy ban MTTQ tỉnh (01).

- Dự kiến Ban Giám sát kỳ thi gồm 03 đồng chí: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (01), Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy (01), Ban Nội chính Tỉnh ủy (01).

(2) Tham mưu Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

(3) Là cơ quan Thường trực Hội đồng thi, có trách nhiệm tham mưu giúp Hội đồng thi chuẩn bị các điều kiện triển khai, thực hiện Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

(4) Tổng hợp, thẩm định, xét duyệt danh sách công chức dự thi nâng ngạch và danh sách viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

(5) Tham mưu thành lập các bộ phận giúp việc Hội đồng thi (Ban đề thi, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban phách, Ban phúc khảo, Tổ giúp việc...); triệu tập công chức, viên chức dự thi; niêm yết danh sách công chức, viên chức dự thi; tổng hợp, thông báo kết quả kỳ thi, kết quả trúng tuyển...

(6) Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy báo cáo Ban Tổ chức Trung ương kết quả thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

(7) Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy quyết định bổ nhiệm ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đối với những người trúng tuyển.

2. Văn phòng Tỉnh ủy

Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu chuẩn bị điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật phục vụ hoạt động của Hội đồng thi, các bộ phận giúp việc Hội đồng thi; hướng dẫn thực hiện thu, chi, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Các cơ quan, đơn vị của Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, thị ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh

(1) Thông báo, triển khai Đề án, Kế hoạch tổ chức kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức đến công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

(2) Chịu trách nhiệm về bố trí, phân công công chức đảm nhiệm vị trí việc làm theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương, tính trung thực đối với các trường hợp thuộc cơ quan, địa phương, đơn vị được cử dự thi (*đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ, thời gian giữ ngạch hoặc chức danh nghề nghiệp*).

(3) Các cơ quan, địa phương, đơn vị căn cứ đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Đề án này, Kế hoạch tổ chức kỳ thi và các văn bản triển khai của Hội đồng thi, chọn cử công chức, viên chức dự thi theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, địa phương, đơn vị phản ánh về Ban Tổ chức Tỉnh ủy để tổng hợp báo cáo Hội đồng thi nâng ngạch công chức, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Chính sách cán bộ, BTCTW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Ủy viên BTVTU,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Cơ quan Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội,
- Trường Chính trị tỉnh, Báo Thái Nguyên.
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (3b),
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Hưu

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Phạm Hoàng Sơn



**Biểu 1: SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH HIỆN CÓ,
SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC ỨNG VỚI NGẠCH DỰ THI CÒN THIẾU THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM
VÀ ĐỀ XUẤT DỰ THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC**

(Kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU, ngày 10/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng hiện có										Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm										Đăng ký dự thi nâng ngạch công chức						
		Tổng số biên chế công chức + HĐ 68	CV cao cấp hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương				Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	CV cao cấp hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương				Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương		
				KT VC	CVC	Tổng	KTV	CV	Kế toán viên và ngạch khác	Tổng				KTV C	CVC	Tổng	KTV	CV	Kế toán viên và ngạch khác	Tổng			Số thiếu theo vị trí việc làm	Đăng ký dự thi CVC	Số thiếu theo vị trí việc làm	Đăng ký dự thi		
1	Văn phòng Tỉnh ủy	54	3	7	7	29		29	3	12	5		13	13		23		23	1	12		8	8	3	2	2		
2	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	31	1	13	13	16		16		1	3		14	14		13		13		1		3	3	3				
3	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	24	1	8	8	14		14		1	3		11	11		9		9	0	1		5	5	5				
4	Ban Dân vận Tỉnh ủy	17		9	9	7		7		1	2		8	8		6		6		1		1	1	1				
5	Ban Nội chính Tỉnh ủy	17	1	8	8	7		7		1	1		10	10		5		5		1		2	2	2				
6	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	25	1	10	10	7	6	13		1	3	10		10	11		11		1	2		2						
7	Đảng ủy khối cơ quan	15	0	1	5	6		8		8	1	1	2	7	9		4		4	0	1	1	3	4	1			
8	Cơ quan Mật trận Tổ quốc tỉnh	21	1	9	9	8		8	0	3	1		9	9		8		8	0	3		0	0	0				
9	Cơ quan Tỉnh đoàn	20		1	1	18		18		1	0		10	10		9		9		1		9	9	3				
10	Liên đoàn Lao động tỉnh	80	0	17	17	60		60		3	3		30	30		44		44		3		16	16	5				

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng hiện có										Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm										Đăng ký dự thi nâng ngạch công chức								
		Tổng số biên chế công chức + HD 68	CV cao cấp hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương				Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	CV cao cấp hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương				Cán sự hoặc tương đương	Nhân viên hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương			Chuyên viên hoặc tương đương				
				KT VC	CVC	Tổng	KTV	CV	Kế toán viên và ngạch khác	Tổng				KTV C	CVC	Tổng	KTV	CV	Kế toán viên và ngạch khác	Tổng			KTV C	CVC	Số thiếu theo vị trí việc làm	Đăng ký dự thi CVC	Số thiếu theo vị trí việc làm	Đăng ký dự thi		
11	Cơ quan Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	25			8	8		15	2	17			4		9	9		10	2	12						5	5	2		
12	Cơ quan Hội Nông dân tỉnh	21			4	4		16		16		1	3		7	7		10		10		1				6	6	5		
13	Thành ủy Thái Nguyên	66	1	2	10	12	5	45		50	0	3	1	3	22	25	4	33		37	0	3	1	12	13	6				
14	Thành ủy Sông Công	42	0	0	9	9	2	27	1	30	0	3	1	1	17	18	3	16	1	20	0	3	1	9	10	8				
15	Thị ủy Phổ Yên	49	0	2	9	11	3	34		37	0	1	0	3	22	25	3	20		23		1	1	13	14	3				
16	Huyện ủy Phú Lương	50	0	2	9	11	4	33		37	1	1	0	3	22	25		23		23	1	1	1	13	14	8				
17	Huyện ủy Đại Từ	54	1	1	9	10	4	34		38	2	3	1	3	21	24	2	22		24	2	3	2	12	14	8				
18	Huyện ủy Định Hóa	50		1	8	9	3	37		40	1		1	3	19	22	2	25		27	0	0	2	12	14	6	1	1		
19	Huyện ủy Đồng Hỷ	50		2	11	13	3	32		35		2		3	21	24	1	23		24		2	1	10	11	6				
20	Huyện ủy Võ Nhai	47	0	1	7	8	4	32		36	1	2	1	3	20	23	2	18		20	1	2	2	14	16	11				
21	Huyện ủy Phú Bình	49		2	7	9	2	32		34	1	5		3	19	22	2	20		22		5	1	12	13	5	1	1		
	Tổng	807	10	24	168	192	37	510	3	550	9	46	34	37	311	348	30	341	3	374	5	46	15	165	180	91	4	4		

Ghi chú:

- KTV C: Kiểm tra viên chính
- KTV: Kiểm tra viên
- Số lao động hợp đồng Nghị định 68: 35 người
- Nâng ngạch Kiểm tra Đảng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Trung ương



**Biểu số 2: SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HIỆN CÓ,
ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CỦA TỪNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**
(Kèm theo Đề án số 12- ĐA/TU, ngày 27/01/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên)

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng chức danh nghề nghiệp						Ghi chú
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng V	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng V	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường Chính trị tỉnh	44		10	26	5	3	1	8				
II	Chức danh nghề nghiệp viên chức của Báo Thái Nguyên	29		11	18	0							
III	Chức danh nghề nghiệp viên chức của Ban Bảo vệ CSSKCB	9		2	7								
IV	Chức danh nghề nghiệp viên chức của Trung tâm Chính trị cấp huyện	31	0	5	25	0	1	0	8	0	0	0	
1	Thành phố Thái Nguyên	3		1	2				1				

TT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề hiện có					Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng chức danh nghề nghiệp					Ghi chú	
		Tổng số	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng V	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng I	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng II	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng III	Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng IV		Chức danh nghề nghiệp viên chức hạng V
2	Thành phố Sông Công	3		1	1		1						
3	Thị xã Phổ Yên	4			4				1				
4	Huyện Phú Lương	3		1	2	0			1				
5	Huyện Đại Từ	3			3				1				
6	Huyện Định Hóa	5		1	4				1				
7	Huyện Đồng Hỷ	3			3				2				
8	Huyện Võ Nhai	4		1	3				1				
9	Huyện Phú Bình	3			3				0				
	Tổng cộng (I+II+III+IV)	113	0	28	76	5	4	1	16	0	0	0	

- Đề nghị chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Giảng viên chính: 08 chỉ tiêu.
- Đề nghị chỉ tiêu thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp Chuyên viên chính: 10 chỉ tiêu.